

GIÁ DỊCH VỤ NGÀY GIƯỜNG BỆNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

Số TT	Các loại dịch vụ	Mức giá đề nghị phê duyệt	Ghi chú
1	2	3	4
I	Hạng 1		
1	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ghép tạng/ghép tủy /ghép tế bào gốc	928.100	
2	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	558.600	
3	Ngày giường bệnh Nội khoa:		
3.1	Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Lão khoa, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	305.500	
3.2	Loại 2: Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mất, Ngoại, Phụ -Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	273.800	
3.3	Loại 3: Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng	232.900	
4	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng;		
4.1	Loại 1 : Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bồng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	400.400	
4.2	Loại 2 : Sau các phẫu thuật loại 1; Bồng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	364.400	
4.3	Loại 3 : Sau các phẫu thuật loại 2; Bồng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bồng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	320.700	
4.4	Loại 4 : Sau các phẫu thuật loại 3; Bồng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	286.700	
5	Ngày giường điều trị ban ngày	Bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa tương ứng	
II	Hạng 2		

Số TT	Các loại dịch vụ	Mức giá đề nghị phê duyệt	Ghi chú
1	2	3	4
1	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ghép tạng/ghép tủy /ghép tế bào gốc	799.600	
2	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	418.500	
3	Ngày giường bệnh Nội khoa:		
3.1	Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	257.100	
3.2	Loại 2: Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	222.300	
3.3	Loại 3: Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng	177.300	
4	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng;		
4.1	Loại 1 : Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	341.800	
4.2	Loại 2 : Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	301.600	
4.3	Loại 3 : Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	269.200	
4.4	Loại 4 : Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	229.200	
5	Ngày giường điều trị ban ngày	Bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa tương ứng	
III	Hạng 3		
1	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ghép tạng/ghép tủy /ghép tế bào gốc		
2	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	364.400	
3	Ngày giường bệnh Nội khoa:		

Số TT	Các loại dịch vụ	Mức giá đề nghị phê duyệt	Ghi chú
1	2	3	4
3.1	Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	245.000	
3.2	Loại 2: Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	211.000	
3.3	Loại 3: Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng	169.200	
4	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng;		
4.1	Loại 1 : Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bồng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể		
4.2	Loại 2 : Sau các phẫu thuật loại 1; Bồng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	272.200	
4.3	Loại 3 : Sau các phẫu thuật loại 2; Bồng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bồng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	241.300	
4.4	Loại 4 : Sau các phẫu thuật loại 3; Bồng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	202.300	
5	Ngày giường điều trị ban ngày	Bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng	
IV	Hạng 4		
1	Ngày giường bệnh Nội khoa:		
1.1	Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	219.100	
1.2	Loại 2: Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	188.000	
1.3	Loại 3: Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng	156.300	

Số TT	Các loại dịch vụ	Mức giá đề nghị phê duyệt	Ghi chú
1	2	3	4
2	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bông;		
2.1	Loại 2 : Sau các phẫu thuật loại 1; Bông độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	248.700	
2.2	Loại 3 : Sau các phẫu thuật loại 2; Bông độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bông độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	215.500	
2.3	Loại 4 : Sau các phẫu thuật loại 3; Bông độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	185.000	
3	Ngày giường điều trị ban ngày	Bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng	
V	Ngày giường trạm y tế xã, phường, thị trấn	78.100	

Ghi chú

- Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế